

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bình Định, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt
xã Nhơn Tân, thị xã An Nhơn**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 2955/STNMT-CCBVMТ ngày 21/10/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của dự án Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt xã Nhơn Tân, thị xã An Nhơn;

Xét nội dung Báo cáo ĐTM dự án Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt xã Nhơn Tân, thị xã An Nhơn đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm theo Văn bản số 522/NSNT-KH ngày 21/10/2022 của Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Bình Định;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 875//TTr-STNMT ngày 25/10/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt xã Nhơn Tân, thị xã An Nhơn (sau đây gọi là Dự án) của Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ dự án;
- UBND thị xã An Nhơn;
- UBND xã Nhơn Tân;
- UBND xã Nhơn Thọ;
- UBND xã Nhơn Lộc;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA
DỰ ÁN NÂNG CẤP, MỞ RỘNG CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC
SINH HOẠT XÃ NHƠN TÂN, THỊ XÃ AN NHƠN

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt xã Nhơn Tân, thị xã An Nhơn.

- Địa điểm thực hiện: thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Chủ dự án: Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Phạm vi: Diện tích của Nhà máy hiện hữu là 693 m², diện tích xây dựng khu nhà máy xử lý nước là 15.400 m².

- Quy mô: lắp đặt tuyến ống nước thô HDPE OD400 dài khoảng 300 m ngay tại van côn để lấy nước từ hồ Núi Một với lưu lượng khai thác là 7.000 m³/ngày.đêm; xây dựng khu nhà máy xử lý nước mới với diện tích 15.400 m²; cải tạo nhà máy hiện hữu thành trạm bơm tăng áp với công suất 1.500 m³/ngày và xây dựng tuyến ống truyền tải, phân phối nước dài khoảng 50 km.

- Công suất: Nâng công suất cấp nước từ 720 m³/ngày.đêm lên 7.000 m³/ngày.đêm.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

1.3.1. Các hạng mục công trình:

a) Các hạng mục công trình hiện hữu

02 Cụm xử lý nước cấp có công suất 320 m³/ngày.đêm và 400 m³/ngày.đêm, có diện tích 200 m²; Bể chứa nước sạch 100 m³ có diện tích 64 m²; Trạm bơm nước sạch có diện tích 47 m²; Kho CTNH có diện tích 5 m²; Nhà khử trùng có diện tích 20 m²; Nhà quản lý vận hành có diện tích 80 m²; bể chứa nước thải có diện tích 16 m².

b) Các hạng mục công trình đầu tư mới

- Khu khai thác nước thô: Lắp đặt tuyến ống nước thô HDPE OD400, dài khoảng 300 m lấy nước tự chảy tại vị trí cống lấy nước DN1500 hồ thủy lợi Núi Một dẫn vào cụm xử lý.

- Khu xử lý nước cấp: Xây dựng 01 khu xử lý nước mặt với công suất 7.000 m³/ngày.đêm tại xã Nhơn Tân.

Các hạng mục chính khu xử lý gồm:

- + Hồ chứa nước thô dung tích 15.000 m³;
 - + Hồ bơm nước thô từ hồ chứa nước thô lên cụm xử lý nước cấp, lắp đặt 03 bơm nước thô Q = 150 m³/giờ, H = 15 m.
 - + Cụm bể phản ứng, bể lắng - lọc công suất 300m³/giờ, bằng bê tông cốt thép.
 - + Bể chứa nước sạch dung tích 1.500 m³, kết cấu bằng bê tông cốt thép.
 - + Nhà trạm bơm nước sạch, lắp đặt 03 bơm nước sạch Q = 175 m³/giờ, H = 35 m để truyền tải và phân phối nước ra mạng; lắp đặt bơm rửa lọc, máy gió rửa lọc.
 - + Nhà hóa chất, nhà quản lý - điều hành, sân phơi bùn; hệ thống điện động lực, điện chiếu sáng, điện điều khiển.
 - + Các hạng mục phụ trợ khác: sân nền, tường rào, cổng ngõ, đường nội bộ, nhà kho, trạm biến áp...
 - Trạm bơm tăng áp: Cải tạo nhà máy cấp nước Nhơn Tân hiện có thành trạm bơm tăng áp có công suất 1.500 m³/ngày.
 - Tuyến ống truyền tải và phân phối: Xây dựng tuyến ống truyền tải và phân phối HDPE, thép mạ kẽm (OD63-OD355) khoảng 50 km (để truyền tải lưu lượng 7.000 m³/ngày) từ nhà máy nước đến các khu vực địa bàn dân cư chưa có đường ống cấp nước và đấu nối với mạng lưới cấp nước hiện có của 3 xã Nhơn Tân, Nhơn Thọ, Nhơn Lộc, thị xã An Nhơn và vùng lân cận.
- 1.3.3. Các hoạt động của dự án: Hoạt động đền bù, giải phóng mặt bằng; phát quang dọn dẹp mặt bằng; vận chuyển nguyên vật liệu, đất thừa; thi công các hạng mục công trình và hoàn thiện công trình.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Hoạt động thi công xây dựng khu nhà máy xử lý nước cấp, thi công lắp đặt tuyến ống nước thô và tuyến ống truyền tải, phân phối nước: nước mưa chảy tràn, nước thải sinh hoạt, nước thải xây dựng, chất thải rắn, chất thải nguy hại, bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung từ các thiết bị thi công; chất thải từ quá trình hoạt động của nhà máy hiện hữu.
- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, đất thừa: phát sinh bụi, khí thải tác động đến người dân sống dọc tuyến đường vận chuyển, nguy cơ hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển.
- Tác động không liên quan đến chất thải: ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt của người dân sống dọc theo tuyến đường vận chuyển, khu vực thi công tuyến đường ống phân phối nước và đời sống kinh tế - xã hội của người dân.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Nước thải sinh hoạt của công nhân xây dựng phát sinh với lưu lượng khoảng $0,72 \text{ m}^3/\text{ngày}$, của công nhân làm việc tại Nhà máy hiện hữu khoảng $0,18 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Thành phần chứa hàm lượng các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD, COD) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

+ Nước thải xây dựng phát sinh với lưu lượng khoảng $0,8 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Thành phần chứa nhiều cặn lơ lửng, đất cát, dầu mỡ từ máy móc, thiết bị.

+ Nước thải từ quá trình xử lý nước của nhà máy hiện hữu bao gồm: nước thải rửa lọc khoảng $80 \text{ m}^3/\text{lần}$ (1 tuần/lần), nước thải súc rửa đường ống khoảng $80 \text{ m}^3/\text{lần}$ (1 tháng/lần), nước thải từ quá trình vệ sinh bể lắng khoảng $32 \text{ m}^3/\text{lần}$ (1 năm/lần). Thành phần chủ yếu chứa các loại chất rắn không hòa tan.

+ Nước mưa chảy tràn cuốn theo đất đá trên công trường thi công. Thành phần chủ yếu là đất, cát, chất rắn lơ lửng,...

- Giai đoạn hoạt động:

+ Nước thải sinh hoạt của công nhân làm việc tại khu nhà máy xử lý nước cấp khoảng $0,72 \text{ m}^3/\text{ngày}$, của công nhân làm việc tại trạm bơm tăng áp khoảng $0,18 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Thành phần chứa hàm lượng các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD, COD) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

+ Nước thải từ quá trình xử lý nước tại khu nhà máy xử lý nước bao gồm: nước thải rửa lọc khoảng $280 \text{ m}^3/\text{lần}$ (2 - 3 ngày/lần), nước thải súc rửa đường ống khoảng $320 \text{ m}^3/\text{lần}$ (1 tháng/lần), nước thải từ quá trình lắng bùn khoảng $1,54 \text{ m}^3/\text{ngày}$ (hàng ngày), nước thải từ quá trình vệ sinh bể lắng khoảng $160 \text{ m}^3/\text{lần}$ (2 lần/năm). Thành phần chủ yếu là cặn lơ lửng và một lượng nhỏ hóa chất keo tụ.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động giải phóng mặt bằng, đào đắp, thi công các hạng mục công trình và vận chuyển nguyên vật liệu thi công. Thành phần chủ yếu là CO_x , NO_x , SO_2 , VOC,...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt

- Giai đoạn thi công xây dựng: Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động của công nhân xây dựng phát sinh với khối lượng khoảng $13,7 \text{ kg}/\text{ngày}$ và công nhân tại nhà máy hiện hữu phát sinh với khối lượng khoảng $3 \text{ kg}/\text{ngày}$. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, vỏ trái cây,...

- Giai đoạn hoạt động: chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động của công nhân làm việc tại khu nhà máy xử lý nước phát sinh khối lượng khoảng $13,7 \text{ kg}/\text{ngày}$, của công nhân làm việc tại trạm bơm tăng áp phát sinh khối lượng khoảng $3,4 \text{ kg}/\text{ngày}$.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Chất thải rắn từ hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng phát sinh với khối lượng khoảng 60 tấn. Thành phần chủ yếu là thân cây, lá, gốc cây,...

+ Chất thải rắn từ hoạt động thi công các hạng mục công trình phát sinh với khối lượng khoảng 4,62 - 7,7 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là bao bì đựng xi măng, ni lông, sắt, thép vụn,...

+ Đất thừa từ quá trình đào đắp phát sinh với khối lượng khoảng 15.759 m³. Thành phần chủ yếu là đất đào từ hoạt động thi công.

+ Bao bì đựng hóa chất từ hệ thống xử lý nước cấp hiện hữu khoảng 5 kg/tháng.

- Giai đoạn hoạt động: Bùn từ hệ thống xử lý nước cấp sau khi phơi khô khoảng 7,7 m³/ngày, bao bì đựng hóa chất phát sinh với lượng khoảng 20 kg/tháng.

3.2.3. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

- Giai đoạn thi công xây dựng: Chất thải nguy hại từ quá trình thi công dự án phát sinh với khối lượng khoảng 28 kg, từ hoạt động của nhà máy hiện hữu khoảng 20 kg/năm. Thành phần chủ yếu là dầu mỡ thải, bóng đèn huỳnh quang thải, pin ắc quy chì thải,...

- Giai đoạn hoạt động: Chất thải nguy hại từ quá trình hoạt động của khu nhà máy xử lý nước cấp phát sinh với khối lượng khoảng 38 kg/năm, từ quá trình hoạt động của trạm bơm tăng áp phát sinh với khối lượng khoảng 20 kg/năm. Thành phần chủ yếu là dầu mỡ thải, bóng đèn huỳnh quang thải, pin ắc quy chì thải,...

3.3. Tiếng ồn, độ rung

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động thi công, xây dựng ảnh hưởng đến các khu dân cư hiện trạng lân cận và các khu dân cư dọc tuyến đường vận chuyển và tuyến đường ống phân phối trong suốt quá trình thi công.

- Tiếng ồn phát sinh trong quá trình vận hành của trạm bơm ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của công nhân.

3.4. Các tác động khác

- Tác động không liên quan đến chất thải: tác động từ quá trình chiếm dụng đất, hoạt động thi công ảnh hưởng đến giao thông khu vực, an ninh trật tự,...

- Sự cố, rủi ro: sự cố về kỹ thuật, sự cố rò rỉ khí clo, sự cố cháy nổ, sự cố tai nạn lao động,...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải, nước mưa chảy tràn

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Nước thải sinh hoạt của công nhân xây dựng: thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt của công nhân bằng các nhà vệ sinh di động có dung tích 400 lít; hộp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, xử lý.

- Nước thải sinh hoạt của công nhân tại nhà máy hiện hữu: thu gom và xử lý bằng bể tự hoại hiện có.

- Nước thải xây dựng: được thu gom, tái sử dụng cho quá trình xây dựng, phần dư được thu gom lắng chặn trước khi thải ra môi trường.

- Nước thải từ quá trình xử lý nước cấp của nhà máy hiện hữu: nước thải rửa lọc và vệ sinh bể lắng được thu gom dẫn về bể chứa nước thải để lắng chặn, trước khi tuần hoàn về hệ thống để tiếp tục xử lý. Nước xả từ quá trình xúc đường ống phân phối nước đi qua các van xả tại các điểm thấp nhất và điểm cuối trên mạng lưới.

- Nước mưa chảy tràn: thường xuyên kiểm tra, nạo vét khơi thông các mương thoát nước tạm thời, thu dọn vật liệu xây dựng rơi vãi, tránh hiện tượng nước mưa cuốn trôi vật liệu xuống nguồn nước mặt.

b) Giai đoạn hoạt động

- Nước thải sinh hoạt của công nhân làm việc tại trạm bơm tăng áp: thu gom, xử lý bằng bể tự hoại hiện có.

- Nước thải sinh hoạt của công nhân tại khu nhà máy xử lý nước: xây dựng bể tự hoại để thu gom và xử lý nước thải phát sinh.

- Nước thải từ quá trình xử lý nước: Nước thải từ quá trình rửa lọc, vệ sinh bể lắng được dẫn về bể thu hồi, chặn lắng được bơm lên sân phơi bùn, nước trong tự chảy vào hồ nước thô để tiếp tục xử lý, không xả thải ra môi trường. Lượng nước thải sau khi lắng bùn từ sân phơi bùn được dẫn về hồ nước thô để tuần hoàn, tiếp tục xử lý tại hệ thống xử lý nước cấp. Nước xả từ quá trình xúc đường ống phân phối nước đi qua các van xả tại các điểm thấp nhất và điểm cuối trên mạng lưới.

- Nước mưa chảy tràn: bố trí các mương thoát nước mưa để thu gom nước mưa tại Dự án, dẫn về các kênh mương tại khu vực; bố trí mái che tại khu vực sân phơi bùn với diện tích 500 m² để hạn chế sự xâm nhập của nước mưa đến khu vực sân phơi.

4.1.2. Đối với bụi, khí thải

- Thường xuyên phun nước giảm bụi tại các khu vực thi công, tuyến đường vận chuyển với tần suất 02 lần/ngày và tăng cường vào ngày nắng.

- Đối với các phương tiện vận chuyển: vận chuyển đúng tải trọng cho phép, phủ bạt kín không để rơi vãi đất, cát ra đường.

- Khu vực bãi chứa nguyên vật liệu: sử dụng bạt che chắn đảm bảo không

phát tán bụi ra môi trường.

- Bố trí công nhân vệ sinh đất, cát rơi vãi trên đường và tại khu vực thi công.

4.2. Các công trình và biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt

- Giai đoạn thi công xây dựng: Bố trí các thùng thu gom rác sinh hoạt có nắp đậy đặt tại khu vực lán trại; sử dụng các thùng thu gom rác sinh hoạt hiện hữu tại nhà máy; hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Giai đoạn hoạt động: Bố trí các thùng thu gom rác sinh hoạt có nắp đậy đặt trong khuôn viên nhà máy xử lý nước và trạm bơm tăng áp; hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom vận chuyển, xử lý theo quy định.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Giai đoạn thi công xây dựng:

- + Chất thải rắn từ hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng và chất thải rắn từ hoạt động thi công các hạng mục công trình được thu gom và xử lý theo quy định.

- + Đất thừa phát sinh trong quá trình đào đắp: thực hiện theo quy định của Luật Khoáng sản trước khi vận chuyển ra khỏi khu vực dự án.

- + Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định có liên quan.

- Giai đoạn hoạt động:

- + Bùn thải phát sinh từ quá trình xử lý nước cấp của nhà máy được phơi khô tại sân phơi bùn, định kỳ hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom xử lý theo quy định.

- + Quản lý, xử lý bao bì đựng hóa chất theo quy định hiện hành.

4.2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Giai đoạn thi công xây dựng:

- + Bố trí các thùng chứa chất thải nguy hại tại khu vực lán trại, có dán nhãn nhận biết theo quy định.

- + CTNH từ hoạt động của nhà máy hiện hữu được thu gom về kho chứa CTNH 5 m² hiện hữu tại nhà máy, có dán nhãn nhận biết theo quy định.

+ Quản lý chất thải nguy hại theo đúng quy định hiện hành. Hợp đồng với đơn vị đủ chức năng thu gom, xử lý (tối thiểu 06 tháng/lần) và lưu giữ chứng từ xử lý để gửi đơn vị chức năng theo quy định.

+ Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; QCVN 07:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép đối với chất thải nguy hại.

- Giai đoạn hoạt động:

+ Xây dựng khu vực chứa CTNH để lưu chứa CTNH phát sinh từ quá trình hoạt động của khu nhà máy xử lý nước.

+ Quản lý chất thải nguy hại theo đúng quy định hiện hành. Hợp đồng với đơn vị đủ chức năng thu gom, xử lý (tối thiểu 06 tháng/lần) và lưu giữ chứng từ xử lý để gửi đơn vị chức năng theo quy định.

4.3. Các công trình và biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời máy móc thiết bị hư hỏng.

- Quy định áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Biện pháp giảm thiểu tác động của việc chiếm dụng đất

Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

4.4.2. Biện pháp giảm thiểu tác động tới hoạt động giao thông

- Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân tuyến, phân luồng, đảm bảo an toàn giao thông trong quá trình thi công.

- Lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn và thông báo về hoạt động thi công của dự án để người tham gia giao thông và người dân xung quanh được biết.

4.5. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

4.5.1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong giai đoạn thi công

a) Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố kỹ thuật

Tuân thủ đúng theo phương án thiết kế kỹ thuật và thiết kế đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; kiểm tra và nghiệm thu các công trình và khắc phục ngay khi phát hiện sự cố.

b) Phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố cháy, nổ

Lập phương án chữa cháy, các biện pháp phòng cháy, chữa cháy; lắp đặt biển báo cấm lửa tại các khu vực dễ gây ra cháy nổ. Thông báo cho cơ quan chức năng và chính quyền địa phương để có biện pháp phối hợp xử lý kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố.

c) Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động:

Xây dựng nội quy làm việc tại công trường, an toàn điện, an toàn giao thông, an toàn cháy nổ và tuyên truyền, phổ biến cho công nhân; tuân thủ tuyệt đối các nội quy về an toàn lao động và thường xuyên kiểm tra công tác bảo hộ lao động tại công trường.

4.5.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong giai đoạn vận hành

- Xây dựng nội quy về an toàn điện, an toàn cháy nổ; tuân thủ tuyệt đối các nội quy về an toàn lao động và thường xuyên kiểm tra công tác bảo hộ lao động tại nhà máy.

- Thường xuyên kiểm tra bảo dưỡng đường ống phân phối nước; bảo dưỡng máy móc, thiết bị tại nhà máy.

- Thường xuyên kiểm tra, xả cặn trong đường ống phân phối nước đảm bảo chất lượng nước sạch đến nơi tiêu thụ.

- Định kỳ kiểm tra hệ thống ống dẫn khí clo, các bình chứa khí clo, thực hiện đúng quy trình kỹ thuật khi sử dụng clo trong xử lý nước.

- Thực hiện đúng quy trình vận hành, quản lý bảo dưỡng công trình theo quy định.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án trong giai đoạn thi công xây dựng

5.1. Giám sát trong giai đoạn thi công

- Giám sát an toàn giao thông, phòng chống cháy nổ, an toàn lao động.

- Tần suất giám sát: Thường xuyên, liên tục trong suốt thời gian thi công.

5.2. Giám sát trong giai đoạn vận hành:

- Giám sát chất thải rắn

+ Vị trí giám sát: khu vực tập kết chất thải rắn (chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng và chất thải nguy hại).

+ Thông số giám sát: Thành phần và khối lượng các chất thải phát sinh.

+ Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần.